

THE PRACTICE OF LIVING HERITAGE AND THE ROLE OF COMMUNITY INSTITUTIONS IN THE CONSERVATION AND PROMOTION OF THE VALUES OF CHINESE TEMPLES AND ASSEMBLY HALLS IN CHO LON, HO CHI MINH CITY

Vo Thi Anh Tuyet^{1*}, Au Y Nhen²

¹University of Social Science and Humanity, Viet Nam University - Ho Chi Minh City, ²Independent researcher

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	13/4/2026	This study aims to clarify community-led practices focused on preserving and promoting the value of Chinese temples and assembly halls in Cho Lon, Ho Chi Minh City. The research combines approaches from archaeology, history, anthropology, architecture, and heritage studies. Field surveys were carried out at nine representative sites between 2024 and 2025. The study also included architectural documentation, in-depth interviews, and community questionnaires using a Likert scale with 127 respondents. The data were used to examine community perceptions and motivations related to heritage conservation. The results show that restoration activities have changed over time. Earlier interventions mainly focused on localized repair, while more recent projects increasingly replaced or reinforced traditional structures with modern materials. These changes were closely connected to the maintenance of religious practices and the practical needs of local communities. Community participation in conservation was influenced more strongly by spiritual values and perceptions of heritage significance than by the physical condition of the buildings. The study further shows that community institutions remain important in maintaining ritual activities and sustaining heritage values. At the same time, the research points to tensions between local practices and current administrative management in the context of urbanization.
Revised:	13/8/2026	
Published:	13/8/2026	
KEYWORDS		
Living heritage practices		
Community institutions		
Temples and assembly halls		
Cho Lon		
Urbanization		

THỰC HÀNH DI SẢN SỐNG VÀ VAI TRÒ CỦA THỂ CHẾ CỘNG ĐỒNG TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC MIẾU, HỘI QUÁN NGƯỜI HOA Ở CHỢ LỚN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Thị Ánh Tuyết^{1*}, Âu Ý Nhiê²

¹Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐH Quốc gia Hồ Chí Minh, ²Nghiên cứu tự do

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	13/4/2026	Nghiên cứu nhằm làm rõ phương thức thực hành dựa trên năng lực của chủ thể cộng đồng trong bảo tồn, phát huy giá trị các miếu, hội quán người Hoa tại không gian đô thị Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu được tiến hành trong năm 2024 và 2025, vận dụng tiếp cận liên ngành giữa khảo cổ học, lịch sử, nhân học, kiến trúc và nghiên cứu di sản; kết hợp điền dã thực địa, khảo sát hiện trạng tại 9 di tích tiêu biểu, phỏng vấn sâu các bên liên quan và khảo sát cộng đồng bằng bảng hỏi sử dụng thang đo Likert với 127 mẫu khảo sát. Dữ liệu được tổng hợp và phân tích nhằm đánh giá nhận thức và động lực tham gia bảo tồn của cộng đồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động tu bổ di tích phản ánh sự chuyển dịch từ sửa chữa cục bộ sang xu hướng thay thế và gia cố bằng vật liệu hiện đại nhằm duy trì thực hành tín ngưỡng và đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế của cộng đồng. Đồng thời, động lực tham gia bảo tồn gắn chặt với giá trị tâm linh và nhận thức về tính cấp thiết của di sản hơn là tình trạng xuống cấp vật lý của công trình. Nghiên cứu khẳng định thể chế cộng đồng giữ vai trò quan trọng trong duy trì và tái tạo giá trị di sản, đồng thời cho thấy những khó khăn trong việc cân bằng giữa tri thức bản địa và cơ chế quản lý hành chính trong bối cảnh đô thị hóa.
Ngày hoàn thiện:	13/8/2026	
Ngày đăng:	13/8/2026	
TỪ KHÓA		
Thực hành di sản sống		
Thể chế cộng đồng		
Miếu, hội quán		
Chợ Lớn		
Đô thị hóa		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.15417>

* Corresponding author. Email: vothianhtuyet@hcmussh.edu.vn

1. Giới thiệu

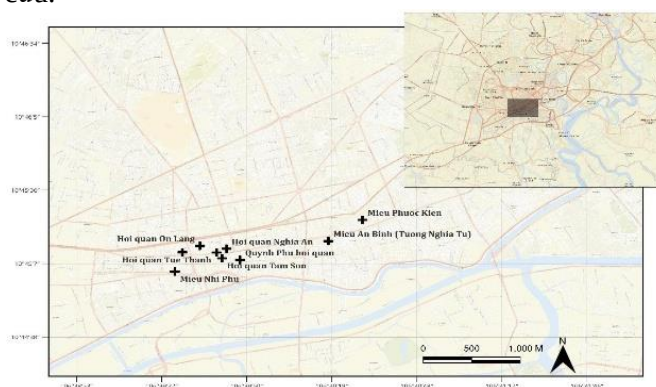
Không gian đô thị Chợ Lớn¹ là khu vực tập trung đông đảo cộng đồng người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh, hình thành và phát triển liên tục trong hơn hai thế kỷ. Trong tiến trình này, hệ thống miếu, hội quán được thiết lập như các thiết chế vừa thực hành tín ngưỡng vừa duy trì liên kết cộng đồng, phản ánh đặc trưng văn hóa và tổ chức xã hội của nhóm cư dân này [1]–[3]. Trong bối cảnh đô thị hóa, các công trình này chuyển từ không gian sinh hoạt nội bộ sang di tích công cộng, chịu sự quản lý của Nhà nước và đáp ứng nhu cầu xã hội ngày càng gia tăng, qua đó đặt ra những vấn đề mới trong bảo tồn và duy trì thực hành di sản.

Trong nghiên cứu di sản đương đại, bảo tồn không còn được tiếp cận như một hoạt động kỹ thuật đơn lẻ mà được nhìn nhận như một quá trình tổng hợp, chịu sự chi phối của thể chế quản lý, nguồn lực thực hiện và sự tham gia của cộng đồng. Cách tiếp cận này được khẳng định trong các văn kiện và khuyến nghị của UNESCO và ICOMOS², đặc biệt từ cuối thế kỷ XX, khi khái niệm bảo tồn được mở rộng theo hướng gắn với phát triển bền vững và di sản sống [4]–[6]. Tại Việt Nam, khung pháp lý về di sản văn hóa cũng nhấn mạnh mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy giá trị và sự tham gia của cộng đồng [7], trong khi các nghiên cứu gần đây tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của cộng đồng trong duy trì và tái tạo giá trị di sản thông qua các phương pháp tiếp cận xã hội học [8], [9].

Các nghiên cứu gần đây cho thấy di sản không tồn tại như một thực thể tĩnh mà được tái tạo thông qua thực hành xã hội và sự tham gia của cộng đồng [6], [9], [10]. Trong bối cảnh Đông Nam Á, không gian tín ngưỡng người Hoa thể hiện rõ quá trình giao thoa văn hóa và thích ứng đô thị [11]–[13]. Đồng thời, sự phát triển du lịch và thương mại hóa di sản làm gia tăng những căng thẳng giữa bảo tồn và khai thác, tác động đến tính xác thực văn hóa và vai trò của cộng đồng trong quản lý di sản [14], đồng thời đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế chính sách trong bối cảnh đô thị hóa [15].

Tính đến cuối năm 2024, Thành phố Hồ Chí Minh có 188 di tích được xếp hạng, trong đó hệ thống miếu, hội quán người Hoa tại Chợ Lớn gồm 9 di tích kiến trúc nghệ thuật, với 7 di tích cấp Quốc gia và 2 di tích cấp Thành phố [16]. Các công trình này không chỉ có giá trị lịch sử và kiến trúc mà còn là không gian thực hành tín ngưỡng, góp phần duy trì bản sắc cộng đồng và phản ánh quá trình giao thoa văn hóa lâu dài. Tuy nhiên, dưới tác động của đô thị hóa, gia tăng du lịch và cơ chế quản lý hiện hành, nhiều di tích đang đối mặt với biến đổi chức năng và nguy cơ suy giảm tính nguyên gốc. Không gian khảo sát tập trung tại khu vực Chợ Lớn. Hình 1 trình bày vị trí và phân bố các miếu, hội quán trong phạm vi nghiên cứu.

Trên cơ sở phạm vi khảo sát, nghiên cứu lựa chọn các di tích đã được xếp hạng nhằm đảm bảo tính đại diện nghiên cứu.



Hình 1. Bản đồ khu vực và vị trí các công trình trong phạm vi khảo sát

¹ Không gian đô thị Chợ Lớn phân bố chủ yếu trên địa bàn Quận 5 và các quận lân cận của Thành phố Hồ Chí Minh; sau điều chỉnh đơn vị hành chính từ ngày 01/7/2025, tương ứng với các phường Chợ Lớn, An Đông, Chợ Quán và một số phường liên quan.

² UNESCO (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization): Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc; ICOSMOS (International Council on Monuments and Sites): Hội đồng Di tích và Di chỉ Quốc tế

Bảng 1 tổng hợp danh mục các miếu, hội quán người Hoa tại Chợ Lớn đã được xếp hạng đến cuối năm 2024.

Bảng 1. Các miếu, hội quán người Hoa tại Chợ Lớn được xếp hạng đến cuối năm 2024

TT	Tên di tích	Địa chỉ	Quyết định xếp hạng	Cấp xếp hạng
1	Hội quán Hà Chương	802 Nguyễn Trãi	Số 52/2001/QĐ-BVHTT 28/12/2001	Quốc gia
2	Hội quán Nghĩa An (Miếu Quan Đế hay Chùa Ông)	678 Nguyễn Trãi	Số 43 – VH/QĐ 07/01/1993	Quốc gia
3	Hội quán Nghĩa Nhuận	27 Phan Văn Khoé	Số 43 – VH/QĐ 07/01/1993	Quốc gia
4	Hội quán Ôn Lăng	12 Lão Tử	Số 39/2002/QĐ-BVHTT 30/12/2002	Quốc gia
5	Hội quán Tuệ Thành (Chùa Bà)	710 Nguyễn Trãi	Số 43 – VH/QĐ 07/01/1993	Quốc gia
6	Miếu Nhị Phủ (Chùa Ông Bồn)	264 Hải Thượng Lãn Ông	Số 722 /QĐ – BVHTT 25/4/1998	Quốc gia
7	Hội quán Quỳnh Phủ	276 Trần Hưng Đạo	Số 52/2001/QĐ-BVHTT 28/12/2001	Quốc gia
8	Hội quán Tam Sơn	118 Triệu Quang Phục	Số 3084/QĐ-UBND 25/5/2015	Thành phố
9	Hội quán Phước An	184 Hồng Bàng	Số 1767/QĐ-UBND 27/04/2009	Thành phố

Trong những năm gần đây, định hướng phát triển không gian văn hóa của Thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của các di tích kiến trúc nghệ thuật trong đời sống đô thị. Tuy nhiên, các hoạt động cải tạo, trùng tu và khai thác di tích làm gia tăng nhu cầu nhận diện, đánh giá hiện trạng một cách hệ thống nhằm kiểm soát các tác động bất lợi. Đồng thời, sự gia tăng lượng khách tham quan, đặc biệt trong mùa lễ hội, tạo áp lực đáng kể lên không gian kiến trúc và các hoạt động tín ngưỡng tại hệ thống miếu, hội quán. Mặc dù nhiều nghiên cứu đã làm rõ giá trị lịch sử, kiến trúc và văn hóa của miếu, hội quán người Hoa [1]-[3], các phân tích về cơ chế vận hành của thể chế cộng đồng cũng như vai trò của thực hành di sản sống trong bối cảnh đô thị hóa vẫn còn hạn chế. Điều này cho thấy cần có những tiếp cận mở rộng, không chỉ dừng ở phương diện vật thể mà còn xem xét di sản trong mối quan hệ với thực hành và cấu trúc xã hội của cộng đồng. Từ đó, nghiên cứu tiến hành khảo sát hệ thống miếu, hội quán tại Chợ Lớn nhằm nhận diện hiện trạng trên ba phương diện: (1) tình trạng kiến trúc, (2) công tác bảo tồn và phát huy giá trị, và (3) các xu hướng, nguy cơ tác động. Trên cơ sở đó, bài báo hướng tới đánh giá vai trò của thể chế cộng đồng và làm rõ tiến trình di sản sống trong quá trình duy trì, tái tạo giá trị di sản, qua đó góp phần đề xuất các định hướng bảo tồn gắn với phát huy giá trị trong bối cảnh đô thị hóa.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo tiếp cận liên ngành, tích hợp khảo cổ học, lịch sử, nhân học, xã hội học, kiến trúc và nghiên cứu di sản nhằm phân tích cơ chế thực hành di sản sống trong bối cảnh đô thị. Dữ liệu được thu thập thông qua các đợt điền dã tại hệ thống miếu, hội quán người Hoa trên địa bàn Chợ Lớn trong giai đoạn 2024–2025. Các kỹ thuật điền dã bao gồm khảo sát hiện trạng kiến trúc thông qua chụp ảnh, vẽ ghi mặt bằng và cấu trúc không gian, kết hợp phỏng vấn sâu và điều tra cộng đồng bằng bảng hỏi sử dụng thang đo Likert [8] để đánh giá mức độ tham gia và nhận thức của các nhóm chủ thể liên quan.

Khảo sát được thực hiện với 128 mẫu, trong đó 127 mẫu hợp lệ (99,2%) được sử dụng cho phân tích. Người tham gia khảo sát có độ tuổi từ 18 đến 48 tuổi; nam chiếm 51,2% và nữ chiếm 48,8%. Về thành phần cộng đồng, nhóm người Việt chiếm đa số (70,9%) trong mẫu khảo sát. Các nhóm người Hoa chiếm 29,2%, gồm Quảng Đông (7,1%), Triều Châu (8,7%), Phúc Kiến (7,9%) và Hải Nam (5,5%).

Về phương diện lý luận, nghiên cứu vận dụng khái niệm “di sản sống” do UNESCO đề xuất trong Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Theo đó, di sản không chỉ bao hàm các yếu tố vật thể mà còn bao gồm không gian văn hóa gắn với quá trình thực hành và tái tạo của cộng đồng. Di sản được nhìn nhận như một thực thể luôn vận động, được cộng đồng tái tạo trong mối quan hệ với môi trường sống, lịch sử và các tương tác xã hội, duy trì bản sắc và tính liên tục văn hóa [5]. Cách tiếp cận này được củng cố trong các nghiên cứu gần đây, nhấn mạnh vai trò của thực hành và sự tương tác liên tục giữa cộng đồng và di sản, thay vì coi di tích như một thực thể tĩnh [6], [9], [13].

Trên cơ sở đó, hệ thống miếu, hội quán được xem xét như các không gian di sản sống, trong đó giá trị vật thể được duy trì thông qua thực hành tín ngưỡng và cơ chế vận hành của các nhóm cộng đồng. Các chủ thể tham gia bao gồm Ban quản trị di tích, cộng đồng cư dân địa phương, khách tham quan, nhà nghiên cứu và cơ quan quản lý nhà nước. Mỗi nhóm đảm nhiệm những vai trò khác nhau trong việc duy trì, điều chỉnh và tái tạo giá trị di sản, qua đó phản ánh cơ chế vận hành của thể chế cộng đồng trong bối cảnh đô thị đương đại.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Hiện trạng bảo tồn, trùng tu và sử dụng di tích

Thực hành di sản sống và công tác tu bổ di tích có mối liên hệ hữu cơ, chuyển dịch trọng tâm từ việc bảo tồn nguyên trạng vật chất sang việc duy trì sự sống động và khả năng thích ứng của di sản trong đời sống cộng đồng. Cộng đồng, di tích và tín ngưỡng truyền đời là ba yếu tố gắn kết chặt chẽ với nhau, trong đó mỗi yếu tố đều có vai trò riêng trong việc duy trì và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Niềm tin của cộng đồng người Hoa được lưu truyền qua nhiều thế hệ là cơ sở để các hoạt động tín ngưỡng thường nhật và lễ hội thường niên được duy trì tại các di tích cộng đồng có tuổi đời hàng trăm năm. Công tác tu bổ nhằm đảm bảo di tích tiếp tục là không gian cho các thực hành văn hóa, nghi lễ và đời sống hằng ngày của cộng đồng. Tu bổ di tích trong bối cảnh thực hành di sản sống cần sự đối thoại giữa các chuyên gia, hệ thống quản lý các cấp và cộng đồng để tìm ra điểm cân bằng trong việc bảo tồn và phục hồi nguyên trạng di tích và đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế.

Trong giai đoạn 2024–2025, nghiên cứu khảo sát 9 di tích miếu, hội quán người Hoa tại Chợ Lớn đã được xếp hạng. Tuy nhiên, thay vì phân tích toàn bộ hệ thống, bốn trường hợp tiêu biểu gồm Quỳnh Phủ, Tuệ Thành, Nghĩa An và Hà Chương được lựa chọn để khảo sát chuyên sâu (Hình 2). Việc lựa chọn dựa trên các tiêu chí về niên đại, giá trị kiến trúc, mức độ bảo tồn và sự đa dạng trong hình thức trùng tu, sử dụng. Các trường hợp này đại diện cho những dạng biến đổi điển hình trong bối cảnh đô thị hóa, cho phép nhận diện xu hướng chung và khác biệt trong thực hành di sản sống cũng như vai trò của thể chế cộng đồng.



Hình 2. Hiện trạng một số hội quán trong đợt khảo sát tháng 10 năm 2025: (1) Hội quán Nghĩa An, (2) Hội quán Ôn Lăng, (3) Hội quán Quỳnh Phủ, (4) Hội quán Tuệ Thành, (5) Hội quán Hà Chương

3.1.1. Hội quán Quỳnh Phủ (276 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Lớn)

Hội quán Quỳnh Phủ được khởi dựng vào năm 1824, theo tư liệu bia ký hiện còn lưu giữ tại di tích, với niên đại tương đối muộn so với các hội quán người Hoa khác tại Chợ Lớn. Trong giai đoạn đầu, việc xây dựng gặp nhiều trở ngại do số lượng cư dân đồng hương Quỳnh Phủ tại Gia Định còn hạn chế và điều kiện kinh tế chưa phát triển. Trải qua nhiều lần trùng tu, trong đó các mốc năm 1831, 1871, 1875, 1937 và 1954 được ghi nhận trên bia ký, hội quán dần hoàn thiện về quy mô và cấu trúc.

Đến năm 1963, sau một thời gian dài tồn tại, hệ kết cấu gỗ của công trình bị hư hại nghiêm trọng do mối mọt, dẫn đến sự cô sụp đổ một phần mái chính diện [1]. Trước tình trạng xuống cấp, hội quán đã được hạ giải và xây dựng lại hoàn toàn bằng kết cấu bê tông cốt thép, đồng thời

giữ lại hình thức và phong cách kiến trúc truyền thống. Công trình được tái thiết trong giai đoạn này hiện vẫn tồn tại đến thời điểm khảo sát. Việc sử dụng các vật liệu như gạch bông gió và đá mài không chỉ nâng cao độ bền mà còn phản ánh xu hướng kiến trúc phổ biến trong thập niên 1960. Các bia ký lập vào các năm 1970 và 1973 tiếp tục ghi nhận hoạt động sửa chữa, mở rộng và xây dựng các hạng mục phụ trợ, trong đó có công trình phục vụ Trường Văn Trang (nay là Trường Trung học phổ thông Trần Hữu Trang) trong cùng khuôn viên.

3.1.2. Hội quán Tuệ Thành (710 Nguyễn Trãi, phường Chợ Lớn)

Diện mạo hiện nay của hội quán Tuệ Thành chủ yếu được định hình từ đợt trùng tu vào đầu thế kỷ XX. Từ thời điểm đó đến nay, công trình tiếp tục trải qua nhiều lần sửa chữa và cải tạo nhằm duy trì hoạt động tín ngưỡng, mặc dù các can thiệp sau này không còn được ghi nhận đầy đủ trong hệ thống bia ký. Tư liệu bia ký gần nhất đề cập đến hoạt động tu sửa vào năm 1990, chủ yếu liên quan đến việc cải tạo ao phóng sinh từ năm 1989, góp phần hoàn thiện tổng thể không gian kiến trúc của miếu Thiên Hậu.

Khảo sát hiện trạng năm 2025 cho thấy hệ kết cấu gỗ của công trình, bao gồm hệ vì dạng trính chông trụ đội, xà gồ tiết diện tròn đường kính khoảng 18–20 cm và hệ rui đỡ mái, vẫn duy trì khả năng chịu lực ổn định. Dấu tích sơn đỏ nguyên thủy còn tồn tại trên một số cấu kiện, tuy nhiên phần lớn bề mặt gỗ đã chuyển sang màu sẫm do tác động lâu dài của khói hương và điều kiện môi trường. Hệ mái giữ cấu tạo truyền thống với nhiều lớp ngói chông, gồm lớp ngói phẳng phía dưới và lớp ngói âm dương phủ men xanh phía trên, vừa đảm bảo khả năng chống thấm vừa tăng giá trị thẩm mỹ.

3.1.3. Hội quán Nghĩa An (678 Nguyễn Trãi, phường Chợ Lớn)

Hội quán Nghĩa An là một trong những công trình quy mô lớn tại Chợ Lớn, với diện tích khoảng 2.500 m² bao gồm cả sân trước. Công trình đã được trùng tu gần đây vào năm 2014. Toàn bộ mái lợp ngói lưu ly xanh, tạo sự thống nhất về vật liệu và hình thức, đồng thời trở thành điểm nhấn so với các hội quán khác. Hệ kết cấu gỗ vẫn ổn định và đã được sơn phủ lại, dù một số cột ngoài trời xuất hiện nứt nhẹ do co ngót vật liệu.

Trang trí mái thể hiện sự kết hợp của hai lớp niên đại. Nhóm thứ nhất gồm tượng gốm Sài Gòn như ông Nhật, bà Nguyệt có niên đại thế kỷ XIX. Nhóm thứ hai bao gồm tượng và phù điêu khảm mosaic gồm nhiều màu. So sánh tư liệu hình ảnh cho thấy phần lớn các chi tiết thuộc nhóm sau được bổ sung hoặc chỉnh sửa trong đợt trùng tu năm 2014, phản ánh xu hướng tái tạo theo hình mẫu truyền thống. Mặc dù hệ mái đạt giá trị thẩm mỹ cao, việc lồng ghép các yếu tố mới qua nhiều lần can thiệp đã phần nào làm giảm tính nguyên bản của cấu trúc ban đầu.

3.1.4. Hội quán Hà Chương (802 Nguyễn Trãi, phường Chợ Lớn)

Hội quán Hà Chương, còn được gọi là hội quán Chương Châu hay chùa Ông Hược, là cơ sở tín ngưỡng thờ chính Thiên Hậu, đồng thời phối thờ Quán Thế Âm, Địa Tạng Bồ Tát, Quan Công, Bao Công và Tề Thiên Đại Thánh. Tại thời điểm khảo sát năm 2025, công trình được chia thành hai khu vực, trong đó một phần đang thi công và được ngăn cách với khu chính điện bằng vách tạm nhằm duy trì hoạt động thờ tự. Các cấu kiện và đồ nội thất gỗ được bao bọc để hạn chế tác động trong quá trình tu sửa.

Về kết cấu, phần mái được hạ giải cục bộ, song hệ mái ngói âm dương và kết cấu đỡ mái nhìn chung vẫn ổn định theo quan sát thực địa. Hệ cột, dầm gỗ được sơn đỏ và có dấu hiệu bảo dưỡng gần đây. Trước khi tháo dỡ, mái tiền điện lợp ngói lưu ly xanh đã được phủ xi măng và sơn đỏ để xử lý thấm dột, tuy nhiên giải pháp này làm thay đổi đáng kể tính nguyên bản và giá trị thẩm mỹ. Khu vực sân giữa các dãy nhà phụ và điện thờ được bổ sung mái che bằng polycarbonate và tôn trên khung sắt, góp phần bảo vệ không gian nhưng ảnh hưởng đến hình thái kiến trúc, đồng thời làm giảm hiệu quả thông gió và chiếu sáng tự nhiên. Hệ thống tượng gốm trên mái đã được tháo dỡ và bảo quản, trước đó nhiều chi tiết đã hư hỏng, rơi vỡ. Các mảng trang trí này sử dụng kỹ thuật khảm mosaic gồm nhiều màu, tương tự một số hội quán khác.

Nhìn chung, trước khi được công nhận là di tích cấp thành phố/Nhà nước, miếu - hội quán trên địa bàn khảo sát đã trải qua nhiều đợt trùng tu lớn nhỏ khác nhau. Từ trước thế kỷ XIX, các hạng mục trùng tu hội quán phổ biến việc sửa chữa nhỏ các bộ phận kiến trúc hư hỏng, trong khi việc trùng tu từ sau thế kỷ XX có tính chất nghiêm trọng hơn thông qua các cuộc đại tu sửa, các cấu kiện kiến trúc cổ hư hỏng hoàn toàn và thường được thay thế bằng cấu trúc xi măng phòng lại hình dáng kiến trúc cũ. Sự khác biệt trong trùng tu công trình miếu - hội quán trong thời điểm trước và sau thế kỷ XIX cho thấy thực tế về hiện trạng duy trì di tích. Vật liệu xây dựng (chủ yếu là gỗ) sau hơn 200 năm tồn tại đã xuống cấp và cần sửa chữa, trùng tu. Có thể ban đầu hoạt động trùng tu chỉ giải quyết những phần/cấu trúc bị hỏng bằng giải pháp sẵn có và tiếp tục sử dụng. Việc này đưa đến hệ quả sập/biến dạng/xuống cấp của miếu - hội quán trong giai đoạn sau (trường hợp hội quán Quỳnh Phủ liên tục trùng tu-sửa chữa trong giai đoạn 1963-1973).

Dữ liệu khảo sát thực địa (9 hội quán vào tháng 10/2025) cho thấy 5/9 hội quán đã thực hiện can thiệp 'thay mới' ở kết cấu chính (từ vật liệu gỗ sang bê tông). Kết quả này phản ánh khuynh hướng cải tạo toàn diện thay cho sửa chữa cục bộ. Đơn cử, tại hội quán Ôn Lăng, đợt trùng tu năm 1993 đã *"thay thế một số cột gỗ và hương án [gỗ] bằng xi măng và bê tông làm bằng gạch"* hoặc tại Miếu Nhị phủ đợt trùng tu 1991 đã *"thay thế cột gỗ bị mối một căn phá sang cột xi măng, sơn lớp chống mối một trên mái"*, trường hợp gian chính của hội quán Quỳnh Phủ bị sập vào năm 1962, Ban Quản trị đã quyết định xây cất lại bằng xi măng theo dáng vẻ ban đầu nhằm đảm bảo tòa nhà tồn tại vĩnh viễn [1]. Điều này cho thấy rõ mục tiêu chính của cộng đồng thông qua quyết định của phía Ban Quản trị hội quán. Lịch sử trùng tu biểu hiện hai xu hướng chính: (i) chỉnh sửa, bảo trì cục bộ giai đoạn tiền hiện đại; và (ii) xu hướng thay mới, kiên cố hóa trong thế kỷ XIX-XX. Xu hướng thứ hai, diễn ra nối tiếp nhau trong khoảng thời gian ngắn nhưng không đi kèm hướng dẫn kỹ thuật và giám sát chuyên môn, đã dẫn đến việc mất mát các yếu tố gốc.

Một cách bao quát nhất, việc trùng tu miếu - hội quán xuất phát từ nhu cầu thực tế của tình trạng di tích, và việc thực hiện công tác này theo nhiều cách vẫn phụ thuộc vào ý chí của cộng đồng sở hữu miếu - hội quán hơn là tuân thủ các nguyên tắc bảo tồn dành riêng cho di sản kiến trúc. Việc các luật định ràng buộc các nội dung tu bổ và bảo tồn di tích được ban hành và có hiệu lực sau khi di tích đã được sửa chữa hoặc di tích đã bị can thiệp trước khi được xếp hạng và tuân thủ các quy định đã hình thành một điểm nghẽn giữa nhu cầu thực tế và bảo tồn nguyên trạng di tích.

3.2. Tác động của thể chế cộng đồng đến công tác bảo tồn di tích

3.2.1. Thể chế, chính sách quản lý

Tính đến năm 2026, hệ thống miếu, hội quán người Hoa tại Chợ Lớn đã được xếp hạng di tích cấp thành phố và cấp quốc gia, trở thành đối tượng quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sự chuyển đổi từ mô hình quản lý cộng đồng sang cơ chế hành chính đã thiết lập khung pháp lý cho bảo tồn, đồng thời phát sinh những vấn đề trong vận hành. Quyền chủ động của Ban Quản trị trong quản lý, sửa chữa và bảo tồn có xu hướng thu hẹp do phải tuân thủ quy trình phê duyệt. Các hội quán vận hành theo mô hình phối hợp hai cấp, trong đó Ban Quản trị trực tiếp quản lý và tổ chức sinh hoạt cộng đồng [12], còn cơ quan chuyên ngành trực thuộc Bộ Văn hóa và Thể thao thực hiện chức năng quản lý hành chính và ra quyết định.

Các cấp độ quản lý từ trên xuống dưới bao gồm Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chính phủ thực hiện chức năng quản lý về văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch trong phạm vi cả nước; trong đó bao gồm quyền thẩm định quy hoạch dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt. Cục Di sản văn hóa là cơ quan trực thuộc Bộ có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về di sản văn hóa, chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phạm vi cả nước. Sở Văn hóa – thể thao và du lịch Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch trong đó bao gồm nhiệm vụ hướng dẫn tổ chức và thực hiện các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích; quản lý, hướng dẫn các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, lễ hội truyền thống, tín ngưỡng gắn với di

tích, nhân vật lịch sử ở địa phương. Trung tâm Bảo tồn di tích Thành phố Hồ Chí Minh với vai trò chủ đầu tư các công trình tu bổ, tôn tạo, phục hồi và phát huy giá trị di tích thuộc nguồn vốn Nhà nước khi được giao, nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện các giải pháp khi được thẩm duyệt. Ban quản trị hội quán là đơn vị trực tiếp vận hành các hoạt động của hội quán do cộng đồng tiến cử bao gồm trách nhiệm quản lý tín ngưỡng, kinh tế, phúc lợi, điều hành hành chính và đối ngoại; là tổ chức sát sao và hiểu rõ nhất các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành di tích.

Tại hội quán Hà Chương, công tác trùng tu khẩn cấp đã được tiến hành từ năm 2019, tuy nhiên, giấy phép tu bổ chính thức chỉ mới được cấp vào năm 2023 và dự án chính thức khởi công năm 2024. Hồ sơ tu bổ thực hiện trong khoảng 3 năm, quy trình báo cáo, phê duyệt kéo dài làm giảm tính linh hoạt trong xử lý các vấn đề phát sinh, cho thấy sự chưa rõ ràng trong phân định trách nhiệm giữa các chủ thể, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình bảo tồn di tích.

Hoạt động trùng tu và cải tạo hiện phụ thuộc nhiều vào quy chuẩn hành chính, hạn chế tính chủ động trong bảo tồn. Việc thiếu hướng dẫn kỹ thuật chuyên biệt cho loại hình miếu, hội quán dẫn đến các can thiệp chưa phù hợp; một số công trình thay thế kết cấu gỗ truyền thống bằng vật liệu hiện đại như bê tông, thép, làm suy giảm yếu tố gốc. Do đó, cần hoàn thiện hệ thống hướng dẫn kỹ thuật trùng tu theo quy trình đồng bộ, từ nhận diện hiện trạng, đánh giá giá trị đến triển khai giải pháp. Đồng thời, cần tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý, chuyên gia, Ban Quản trị và cộng đồng địa phương nhằm bảo đảm các quyết định bảo tồn phù hợp với đặc thù từng di tích.

3.2.2. Nguồn lực tài chính cho bảo tồn

Công tác bảo tồn các miếu, hội quán người Hoa tại Chợ Lớn về bản chất gắn chặt với nhu cầu và sự tham gia của cộng đồng. Trước khi được xếp hạng di tích, hoạt động trùng tu, xây dựng và duy tu công trình đã được thực hiện chủ yếu dưới sự điều hành của Ban Quản trị, dựa trên cơ chế huy động nguồn lực nội sinh từ cộng đồng. Sự tồn tại bền vững của các hội quán qua thời gian phản ánh hiệu quả của mô hình huy động này. Các bia ký tại nhiều hội quán ghi nhận chi tiết danh tính và mức đóng góp của cá nhân cho các đợt trùng tu, cho thấy tính phổ biến và tính tự nguyện cao của hoạt động đóng góp. Nguồn lực tài chính được huy động đa dạng, trong đó hình thức quyên góp tiền mặt hoặc kim loại quý là phổ biến, với sự tham gia của nhiều tầng lớp trong cộng đồng. Bên cạnh đó, nguồn kinh phí còn được tổ chức theo từng đợt trùng tu cụ thể, với mức đóng góp linh hoạt tùy theo khả năng của từng cá nhân.

Ngoài đóng góp tài chính, việc hiến tặng đất đai và vật liệu xây dựng giữ vai trò quan trọng trong bảo tồn di tích. Việc mở rộng không gian miếu, hội quán không chỉ gia tăng quy mô công trình mà còn củng cố mối liên kết giữa di tích và cộng đồng địa phương. Đồng thời, các nguồn lực vật chất như gỗ, gạch, ngói cùng nhân công trong cộng đồng thường được huy động trực tiếp cho quá trình xây dựng và trùng tu. Trong một số trường hợp, các hình thức linh hoạt như chơi hội, đấu giá đèn lồng hoặc hỗ trợ từ các nhóm cộng đồng được sử dụng để đáp ứng nhu cầu tài chính cấp thiết. Sự đa dạng này phản ánh tính gắn kết và vai trò chủ động của cộng đồng trong duy trì di tích.

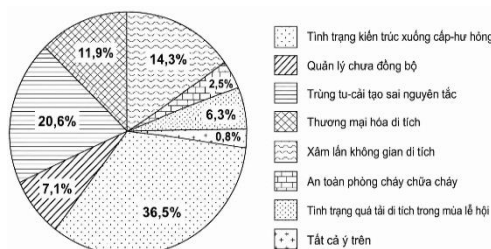
Hiện nay, sau khi được công nhận là di tích cấp thành phố và cấp quốc gia, nguồn lực bảo tồn được bổ sung từ ngân sách nhà nước cùng với đóng góp cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác theo quy định [7]. Sự kết hợp này góp phần nâng cao năng lực tài chính cho công tác trùng tu, bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống miếu, hội quán trong bối cảnh hiện nay.

Tại hội quán Hà Chương, từ năm 2019, Ban quản trị hội quán đã từng bước phối hợp với cơ quan các cấp để thực hiện tu bổ di tích. Căn cứ theo công văn số 2653/BVHTTDL ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ, phục hồi di tích Hội quán Hà Chương, Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 1846/QĐ – SVHTT ngày 06 tháng 9 năm 2023 về phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ, phục hồi di tích Hội quán Hà Chương, Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh, công tác tu bổ hội quán có tổng kinh phí dự kiến là 14.990.000.000 đồng và thời gian thi công từ 2023 đến 2025. Danh sách các tổ chức, cá nhân đóng góp tài chính cho công tác tu bổ di tích bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước đã được công bố rộng rãi trên báo Sài Gòn Giải Phóng Hoa ngữ ngày 29 tháng 7 năm 2025 [17].

3.2.3. Sự tham gia của cộng đồng sở tại

Cộng đồng không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn giữ vai trò chủ thể trong việc kiến tạo và tái định nghĩa giá trị di sản [9]. Tại khu vực Chợ Lớn, cộng đồng người Hoa địa phương tiếp tục duy trì vai trò quan trọng trong vận hành thường nhật của các miếu, hội quán thông qua Ban Quản trị, với các hoạt động như tổ chức lễ hội, thực hành tín ngưỡng, tiếp nhận công đức và bảo dưỡng không gian thờ tự [2]. Trên phương diện này, cộng đồng vẫn là lực lượng gắn bó trực tiếp nhất với di tích, góp phần duy trì ý nghĩa xã hội và tín ngưỡng, đồng thời bảo tồn bản sắc văn hóa của các nhóm cư dân theo ngôn ngữ và truyền thống riêng [3]. Các hoạt động lễ hội được tổ chức trong và ngoài khuôn viên các miếu, hội quán hàng năm như lễ Kỳ Yên, Nghinh Ông, Nguyên tiêu và đoàn diễu hành lên đến 1000 - 1500 người gồm các đoàn biểu diễn thuộc cộng đồng người Hoa thu hút sự tham gia của hàng nghìn du khách trong và ngoài nước. Bên cạnh đó là các hoạt động được tổ chức riêng tại các hội quán xuyên suốt trong năm như lễ vía Quan Thánh Đế Quân, Phước Đức Chánh Thần, Phật Bà Quan Âm, ông Hồ... theo tín ngưỡng riêng của từng nhóm cộng đồng.

Hình 3 cho thấy một số quan ngại của các đối tượng khảo sát về tình trạng thực tế ảnh hưởng đến hiện trạng sử dụng di tích trong các hoạt động tín ngưỡng thường nhật cũng như phục vụ lễ hội và du lịch.



Hình 2. Một số vấn đề quan ngại trong bảo tồn di tích miếu - hội quán
(Kết quả phân tích từ bảng khảo sát 127 đối tượng thực hiện vào tháng 10 năm 2025)

Kết quả khảo sát từ 127 mẫu cho thấy góc nhìn tích cực đối với công tác bảo tồn-trùng tu di tích miếu - hội quán. Tất cả các biến liên quan đến nguyên tắc, biện pháp và sự cấp thiết của bảo tồn đều có điểm trung bình rất cao ($> 4,1/5$), cho thấy sự đồng thuận mạnh mẽ của cộng đồng. Phân tích tương quan cho thấy cơ chế hình thành ý định bảo tồn trong cộng đồng khá phức tạp. Mặc dù cộng đồng thể hiện thái độ rất tích cực với các biện pháp bảo tồn chuyên nghiệp, thái độ này lại không chuyển hóa thành ý định đóng góp cụ thể. Thay vào đó, chính cảm nhận về tính cấp thiết mới là yếu tố then chốt thúc đẩy sự sẵn sàng hành động. Điều đáng chú ý là, nhận thức về tính cấp thiết này lại độc lập với đánh giá khách quan về hiện trạng xuống cấp của kiến trúc. Điều này củng cố cho giả thuyết rằng động lực bảo tồn mạnh mẽ xuất phát từ giá trị văn hóa-tinh thần mà cộng đồng gán cho di tích, hơn là từ tình trạng vật lý của nó. Nói cách khác, người ta muốn bảo tồn vì yếu tố tín ngưỡng – tôn giáo, thay vì thực trạng xuống cấp của công trình.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di tích đang có sự chuyển biến rõ rệt. Trước khi di tích được xếp hạng, cộng đồng, thông qua Ban Quản trị, giữ vai trò quyết định trong các hoạt động quản lý, tu sửa và cải tạo. Trong bối cảnh hiện nay, khi thẩm quyền phê duyệt tập trung vào cơ quan quản lý nhà nước, khả năng tham gia trực tiếp của cộng đồng vào quá trình ra quyết định có xu hướng thu hẹp do phải tuân theo các quy định quản lý các cấp liên quan đến bảo tồn di sản (vật thể và phi vật thể), cao nhất là Luật Di sản văn hóa ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2001, sửa đổi bổ sung ngày 18 tháng 6 năm 2009, Luật Quy hoạch đô thị ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2009, Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 cùng với các văn bản thi hành khác như Nghị định 92/2002/NĐ-Cp ngày 11 tháng 11 năm 2002 và Quyết định 1243/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24 tháng 7 năm 2001 và Quyết định 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06 tháng 02 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin hay Nghị định số 11/2006/NĐ-CP của Chính phủ,...

Sự thay đổi này dẫn đến khoảng cách nhất định giữa tri thức và kinh nghiệm bản địa với các quy trình quản lý hành chính áp dụng cho di tích đã được xếp hạng. Bên cạnh đó, thực tiễn bảo tồn cũng bộc lộ những mâu thuẫn tiềm ẩn. Một mặt, cộng đồng ưu tiên duy trì các giá trị truyền thống gắn với tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa. Mặt khác, áp lực từ việc gia tăng khách tham quan và mở rộng chức năng sử dụng đặt ra yêu cầu điều chỉnh không gian theo hướng đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn, tiện nghi và khả năng tiếp cận. Sự khác biệt giữa hai xu hướng này có thể dẫn đến những can thiệp làm thay đổi cấu trúc không gian và phương thức vận hành vốn có của di tích.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ thống miếu, hội quán người Hoa tại Chợ Lớn đang vận hành trong bối cảnh chuyển đổi từ mô hình quản lý cộng đồng sang cơ chế hành chính nhà nước. Sự chuyển dịch này góp phần hình thành khung pháp lý và tăng cường nguồn lực cho bảo tồn, nhưng đồng thời làm giảm tính chủ động và linh hoạt của các thiết chế cộng đồng trong quá trình quản lý và thực hành di sản. Những hạn chế trong hướng dẫn kỹ thuật trùng tu cùng với quy trình quản lý còn bất cập đã dẫn đến các can thiệp chưa phù hợp, làm biến đổi cấu trúc và suy giảm tính nguyên gốc của di tích. Trong điều kiện đô thị hóa và gia tăng nhu cầu sử dụng, mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị ngày càng trở nên phức tạp, đặc biệt khi cộng đồng có xu hướng ưu tiên tính bền vững và kiên cố hơn là duy trì yếu tố gốc. Sự thay đổi này phản ánh quá trình điều chỉnh vai trò của cộng đồng từ chủ thể quyết định sang tham gia phối hợp, qua đó bộc lộ những khoảng cách giữa tri thức bản địa và cơ chế quản lý hiện hành. Trên cơ sở đó, việc bảo tồn hệ thống miếu, hội quán cần được tiếp cận theo hướng tích hợp, trong đó thể chế cộng đồng giữ vai trò trung tâm trong duy trì và tái tạo giá trị di sản. Các định hướng bao gồm hoàn thiện khung thể chế và hướng dẫn kỹ thuật, cải tiến quy trình quản lý theo hướng phân cấp hợp lý, tăng cường cơ chế phối hợp đa bên và nâng cao nhận thức cộng đồng. Đây là những tiền đề quan trọng nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong bối cảnh phát triển đô thị hiện nay.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số C2025-18b-05.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. Li and C. T. Nguyen, *Chinese-Character Inscriptions in the Chinese Clan Halls of Ho Chi Minh City*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1999.
- [2] H. L. Tran, *Chinese Culture in the South: Belief and Religions*. Ho Chi Minh City: Southern Institute of Social Science, Vietnam Academy of Social Sciences, 2004.
- [3] A. Phan, *The Chinese in Southern Vietnam*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 2005.
- [4] UNESCO, *UNESCO Culture for Development Indicators: Methodology Manual*, Paris, 2012.
- [5] UNESCO, *Basic Texts of the 2003 Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*, Paris, 2024.
- [6] C. Bortolotto, "From the 'Monumental' to the 'Living' Heritage: A Shift in Perspective," in *World Heritage: Global Challenges, Local Solutions*. Coalbrookdale: Conference Proceedings, 2006, pp. 4–7.
- [7] National Assembly of Vietnam, *Law on Cultural Heritage (No. 45/2024/QH15)*. Hanoi: Truth National Political Publishing House, 2024.
- [8] R. Likert, *A Technique for the Measurement of Attitudes*, New York: Archives of Psychology, 1932.
- [9] E. Waterton and L. Smith, "The recognition and misrecognition of community heritage," *International Journal of Heritage Studies*, vol. 16, no. 1–2, pp. 4–15, 2010, doi: 10.1080/13527250903441671.
- [10] N. T. Nguyen, "The ritual incorporation and cross-cultural communication in Camau, Vietnam: A case study of the Tianhou cult," *Culture and Religion*, vol. 23, no. 4, pp. 341–363, 2022, doi: 10.1080/14755610.2022.2140686.
- [11] T. H. L. Phan and H. M. T. Tran, "Mazu the Chinese sea goddess transforming into mother goddess in Vietnam urban areas: A case study at Mazu temple in Pho Hien, Vietnam," *Suvannabhumi*, vol. 13, no. 2, pp. 37–69, 2021, doi: 10.22801/svn.2021.13.2.37.

-
- [12] T. H. Ha, "Changes in marital and familial perspectives of the Chinese Cantonese community: A case study in Ho Chi Minh City, Vietnam," *International Journal of Asia Pacific Studies*, vol. 21, no. 1, pp. 179–209, 2025, doi: 10.21315/ijaps2025.21.1.7.
- [13] V. T. Bui and T. H. Tran, "Silent dissent and embodied memory: Reframing community participation in Vietnam's peri-urban heritage," *Journal of Cultural Analysis and Social Change*, vol. 10, no. 1, pp. 61–76, 2025, doi: 10.64753/jcasc.v10i1.462.
- [14] T. D. Quang, B. W. Noseworthy, and D. Paulson, "Rising tensions: Heritage-tourism development and the commodification of 'authentic' culture among the Cham community of Vietnam," *Cogent Social Sciences*, vol. 8, no. 1, 2022, Art. no. 2116161, doi: 10.1080/23311886.2022.2116161.
- [15] T. P. Nguyen, V. H. Dao, T. A. T. Vo, and Y. N. Au, "Environmental and policy perspectives in managing revolutionary heritage under urbanization challenges," *Global Journal of Environmental Science and Management*, vol. 12, no. 1, pp. 1–20, 2026, doi: 10.22034/gjesm.2026.01.14.
- [16] Ho Chi Minh City Department of Culture and Sports, "Works and sites ranked as monuments in Ho Chi Minh City (As of the end of 2024)," 2024. [Online]. Available: <https://svhtt.hochiminhcity.gov.vn>. [Accessed Apr. 12, 2026].
- [17] Ha Chuong Assembly Hall Management board, "Ha Chuong Assembly Hall – Mazu pagoda with sincere gratitude," *Liberated Saigon (Chinese) – Economic-Lifestyle-Advertising information*, pp. 1-2, Jul. 29, 2025.